

SNO: **S732440**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P

mm

件 49258

6

5

4

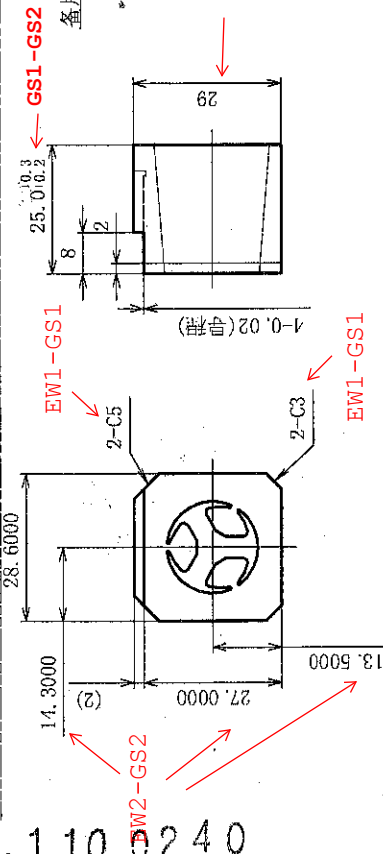
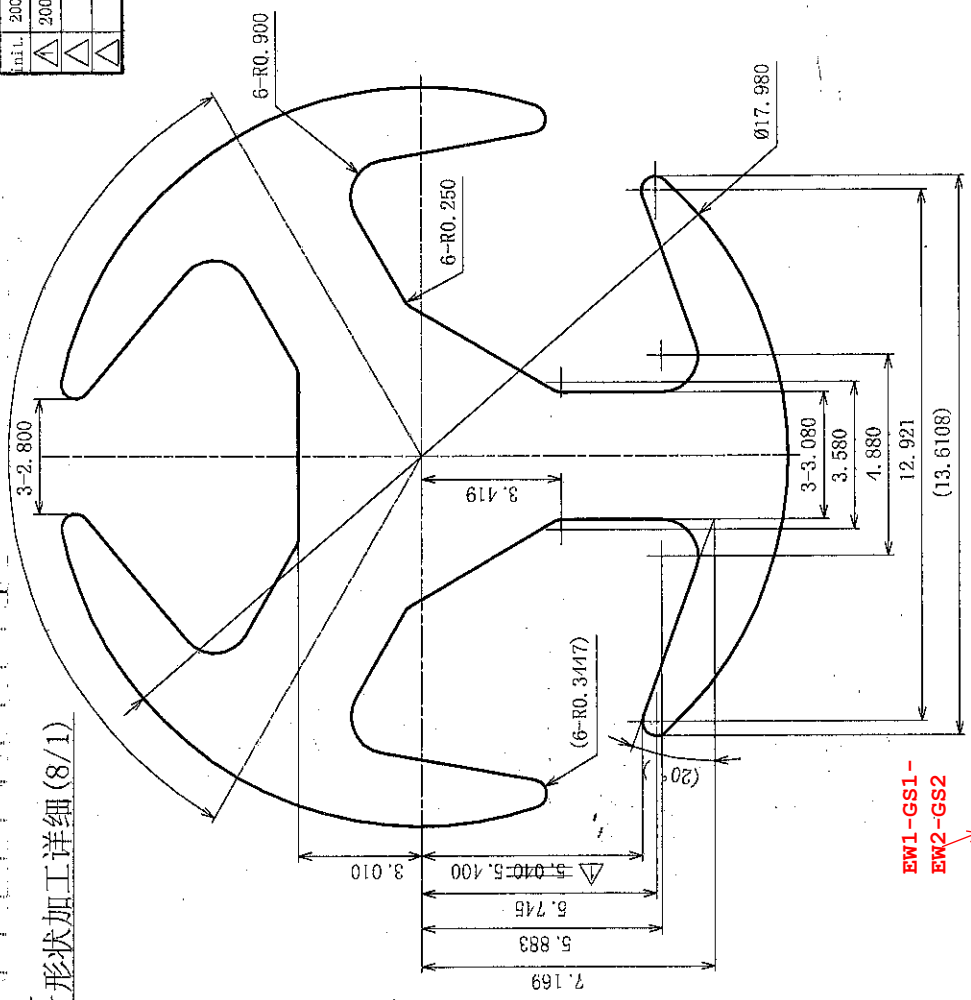
(WE)
铁片形状加工详细 (8/1)

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF. No.	CHKD.	DWN.	CUTTING TOLERANCE
1	2007/01/15	铁片设计		Ye Jian Qing	Li Zhuo	±0.002 0.000 -0.002
2	2006-10-16	寸法误记		叶建青		±0.005 0.000 -0.005
3						±0.01 0.00 -0.01
4						±0.1 0.00 -0.1
5						±0.2 0.0 -0.1
6						±0.05 0.0 -0.1

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED
FINISH MARKS

611 110 031.2

7P



备用品部分, 按左图进行加工, 精加工部分在各工场进行.

切刃为让位斜坡, 从下模上面开始, 斜度为3' 30".

组立金型时调整成与下模板厚度吻合的状态

DWN.	CHKD.	TITLE	PART NAME
Ye Jian Qing	Li Zhuo	部品图	外形板 54
QUENCHING	SURFACE	PART DRAWING	OUT SIDE BLANKING DIE
HRC		部品图	外形落料下模
MATERIAL	DATE	SCALE	部品图
W(030/HP)	2005/10/13	1:1	
			DWG. No.
			S732440

MANUCCI MOTOR CO., LTD.

5

T264 < 30 x 33

3

2

1

414.110.0240